

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM TÁC ĐỘNG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NÔNG NGHIỆP PHÙ HỢP VỚI THẾ MẠNH CỦA ĐỒNG NAI

TS. PHẠM VĂN SÁNG*

1. Thực trạng chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp (CCSXNN) của tỉnh Đồng Nai (ĐN) trong thời gian qua

Là một trong những địa phương chủ lực của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam - khu vực có vai trò động lực kinh tế quan trọng, ĐN có những lợi thế quan trọng để phát triển công nghiệp và kéo theo sự phát triển dịch vụ. GDP ĐN năm 2009 tăng 2,74 lần so năm 2001, trong đó GDP công nghiệp tăng 3,22 lần và dịch vụ tăng 2,81 lần, theo đó cơ cấu kinh tế ĐN đã chuyển dịch nâng cao tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ và giảm tỷ trọng nông nghiệp trong GDP.

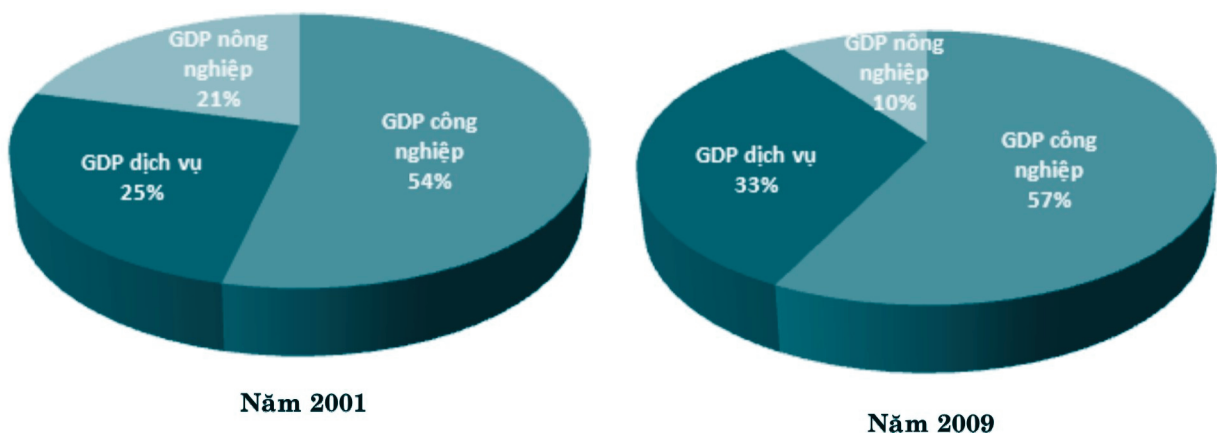
Sự phát triển công nghiệp kéo theo sự phát triển đô thị dẫn đến diện tích đất sản xuất nông nghiệp bị thu hẹp từ 295.656 ha năm 2001 xuống còn 289.078 ha năm 2009. Việc tìm cách phát triển nông nghiệp một cách hiệu quả trên cơ sở quỹ đất nông nghiệp giảm dần đã được thực hiện bằng sự chuyển dịch CCSXNN trên các mặt: cơ cấu cây trồng và con nuôi; cơ cấu lãnh thổ; thành phần kinh tế; kỹ thuật. Tất cả những nội dung đó gắn bó hữu cơ với nhau, trong đó chuyển dịch cơ

cấu cây trồng và con nuôi giữ vai trò là hạt nhân. Kết quả sự chuyển dịch cơ cấu đạt được kết quả ban đầu, mặc dù diện tích đất sản xuất nông nghiệp giảm nhưng GDP nông nghiệp ĐN năm 2009 tăng 1,45 lần so năm 2001.

Phát huy lợi thế phát triển công nghiệp chế biến, đặc biệt là công nghiệp chế biến thức ăn gia súc, ngành chăn nuôi đã được đẩy mạnh và trở thành ngành sản xuất chính trong cơ cấu nông nghiệp của ĐN. Cơ cấu chăn nuôi trong nông nghiệp tăng, trồng trọt tuy có giảm về cơ cấu nhưng tốc độ phát triển vẫn tăng, giá trị sản xuất trồng trọt (tính theo giá cố định 1994) năm 2009 tăng 1,36 lần so năm 2001.

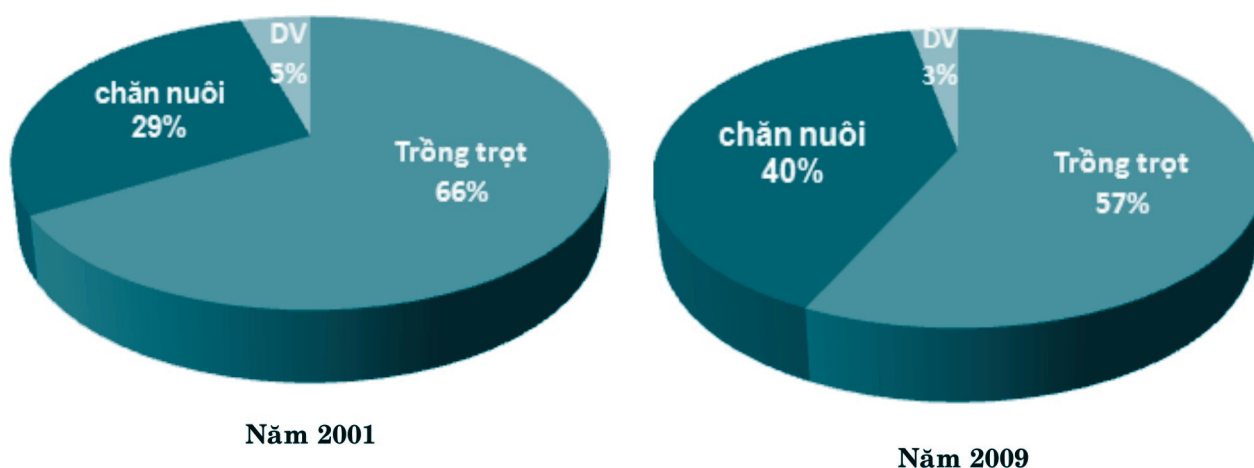
Ngành trồng trọt của ĐN đã dần xóa bỏ được tình trạng độc canh, năng suất thấp, kỹ thuật canh tác lạc hậu, nặng tính tự cung, tự cấp, chuyển sang vị thế mới với cơ cấu cây trồng đa dạng hơn với các vùng chuyên canh sau:

- Vùng chuyên canh bắp tại các huyện Xuân Lộc, Tân Phú, Định Quán, Thống Nhất.
- Vùng chuyên canh thuốc lá ở các huyện Xuân Lộc, Tân Phú, Thống Nhất, Định Quán.



Hình 1. Sự chuyển dịch tỷ trọng các ngành trong cơ cấu kinh tế của tỉnh ĐN

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP & NÔNG THÔN



Hình 2. Sự chuyển dịch tỷ trọng các ngành trong CCSXNN của tỉnh ĐN

- Vùng chuyên canh mía huyện Xuân Lộc, Định Quán, Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Nhơn Trạch.

- Vùng chuyên canh cây cao su ở Long Khánh, Long Thành, Thống Nhất.

- Vùng chuyên canh điều cao sản ở các huyện Xuân Lộc, Long Thành, Định Quán, Thống Nhất.

Vùng chuyên canh cà phê ở Xuân Lộc, Long Khánh, một phần ở Định Quán và Thống Nhất.

Việc hình thành các vùng chuyên canh tạo thuận lợi cho việc kết hợp giữa bảo tồn nguồn giống quý của địa phương với lai tạo, biến đổi gen để có các bộ giống vừa có năng suất cao, chất lượng tốt, vừa có các đặc tính thích hợp với sinh thái từng vùng như chịu hạn, chống chịu tốt với sâu, bệnh... Trình độ ứng dụng công nghệ hiện đại hơn, hiệu quả kinh tế được cải thiện, xây dựng các mô hình kết hợp trồng trọt với chế biến, tiêu thụ; mô hình liên kết giữa đơn vị sản xuất và đơn vị dịch vụ; mô hình trang trại hiện đại góp phần vừa tăng năng suất và vừa nâng cao giá trị thương mại hàng hoá. Giá trị sản lượng nông nghiệp ĐN (theo giá cố định 1994) năm 2009 tăng 1,52 lần, trong khi giá trị sản lượng nông nghiệp theo giá thực tế tăng 3,78 lần. Hầu hết các nông sản phẩm của ĐN được tiêu dùng trong cả nước, nhất là trái cây. Một số nông sản trở thành mặt hàng xuất khẩu chủ lực của như điều, cà phê, cao su.

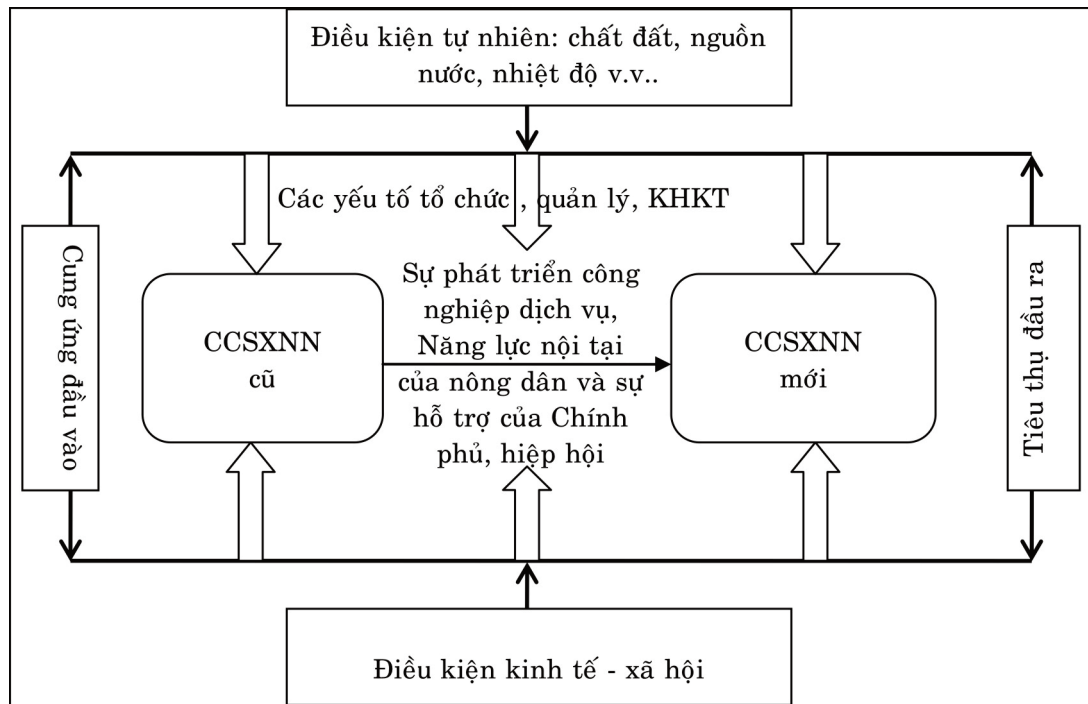
Trong cơ cấu cây trồng, diện tích cây lâu năm tăng đều hàng năm cả về số tuyệt đối và tương đối. Năm 2009, diện tích cây lâu năm tăng 24.929 ha so với năm 2001, nâng tỷ trọng từ 40,74% lên 46,49%. Đây là sự chuyển dịch phù hợp với địa hình, thổ nhưỡng của ĐN; đồng thời cũng cho thấy

xu hướng chuyển dịch hiệu quả, thể hiện ở giá trị sản lượng trên đơn vị diện tích cây lâu năm cao hơn cây hàng năm. Năm 2009, tỷ trọng diện tích cây lâu năm chiếm 46,49% trong diện tích sản xuất nông nghiệp, nhưng tỷ trọng giá trị sản lượng chiếm đến 54,11% giá trị sản lượng trồng trọt. Diện tích cây hàng năm tuy giảm, nhưng nhờ tăng năng suất cây trồng nên giá trị sản xuất cây hàng năm không giảm. Năm 2009, giá trị sản xuất cây hàng năm (tính theo giá cố định 1994) tăng 1,18 lần so với năm 2001.

Nhờ chuyển dịch cơ cấu cây trồng hợp lý kết hợp với luân canh, thâm canh đã xuất hiện nhiều huyện, xã, nông dân làm ăn giỏi, có thu nhập cao hơn trước. Năm 2009, thu nhập bình quân đầu người/tháng khu vực nông thôn ĐN là 1,609 triệu đồng, tăng gấp 4,57 lần so với năm 2001; rút ngắn chênh lệch thu nhập giữa thành thị và nông thôn từ 1,5 lần xuống còn 1,15 lần. Nếu tính theo nhóm thu nhập, chênh lệch thu nhập bình quân giữa 20% người giàu nhất và 20% người nghèo nhất giảm từ 5,1 lần xuống 4,87 lần. Đời sống nông dân được cải thiện, tích lũy và vốn đầu tư cho sản xuất của nông hộ đã cao hơn, chủ yếu tập trung cho mua giống mới, cải tạo vườn và chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

ĐN với vị trí là cửa ngõ phía Đông của TP.HCM và là cầu nối giữa các tỉnh Đông Nam Bộ với các tỉnh Nam Trung Bộ, Nam Tây Nguyên bởi các tuyến giao thông huyết mạch quan trọng như quốc lộ 1A, quốc lộ 20 và đường sắt Bắc Nam, ĐN có điều kiện giao lưu kinh tế với các vùng, miền giàu tiềm năng phát triển. Lợi thế này cho phép ĐN tận dụng hết ưu thế để phát triển nông

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP & NÔNG THÔN



Hình 3. Kết quả chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp của ĐN

ng nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá tập trung, ứng dụng khoa học - công nghệ, thu hút đầu tư và tổ chức sản xuất có hiệu quả.

Do đặc tính trung du, nằm trong vùng chuyển tiếp giữa kiến tạo địa hình đồng bằng và cao nguyên nên ĐN có địa hình đa dạng, chủng loại đất phong phú thuận lợi cho phát triển một nền nông nghiệp toàn diện cả trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Sự phát triển đa dạng này vừa hỗ trợ, vừa kích thích ngành nông nghiệp phát triển theo hướng thâm canh tăng năng suất và nâng cao chất lượng nông sản hàng hoá. Đặc biệt với địa hình và sự phân bố đất đai khá tập trung cho phép bố trí hình thành các vùng sản xuất nông sản hàng hoá tập trung chuyên canh các chủng loại cây vừa có giá trị kinh tế cao, vừa có khả năng xuất khẩu lớn (như: cao su, cà phê, điều, tiêu, cây ăn quả, hoa màu...). Nhìn chung, với điều kiện của mình, ĐN ít phụ thuộc vào quy hoạch đất trồng cây lương thực, đồng thời lại có thể chủ động lựa chọn cơ cấu phù hợp với lợi ích của nông dân.

Những chủ trương về đổi mới quản lý nông nghiệp của Đảng và Nhà nước ta đã tạo nên xung lực mới cho nông nghiệp của ĐN phát triển. Đó là các chủ trương tự do hoá thị trường nông sản, giao đất và trả lại quyền tự chủ cho nông dân; các

chính sách khuyến nông, chính sách xã hội, chính sách đầu tư cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn, chính sách khuyến khích xuất khẩu nông sản... Trong bối cảnh thuận lợi về chính sách như vậy, nông dân có điều kiện để lựa chọn cơ cấu sản xuất hướng về sản xuất hàng hoá, về hiệu quả và xuất khẩu.

Công nghiệp và dịch vụ ĐN phát triển nhanh với quy mô lớn vừa làm giảm gánh nặng tích lũy cho nông nghiệp, vừa tạo điều kiện hỗ trợ trở lại nông nghiệp. Từ sự phát triển công nghiệp và dịch vụ, thu ngân sách ĐN tăng trưởng liên tục từ 2.616 tỷ đồng năm 2001 lên 12.174 tỷ đồng năm 2009. Nhờ thu ngân sách lớn nên ĐN có điều kiện đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn. Lao động trong nông nghiệp chuyển sang ngành công nghiệp và dịch vụ trong giai đoạn 2001-2009 đạt gần 181.000 lao động, đã góp phần giảm áp lực thất nghiệp trong nông thôn do diện tích đất nông nghiệp giảm và đẩy nhanh quá trình tích tụ đất nông nghiệp. Đến năm 2009, số trang trại phát triển 3.597 tăng 1.407 trang trại so với năm 2001.

Sự phát triển của công nghiệp chế biến nông sản và dịch vụ nông nghiệp: Công nghiệp chế biến nông sản và dịch vụ nông nghiệp là các ngành liên quan đến trồng trọt và chăn nuôi. Chúng không những là thị trường của ngành nông nghiệp

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP & NÔNG THÔN

mà còn tạo điều kiện cho ngành nông nghiệp phát triển. Toàn tỉnh có hơn 4.000 cơ sở chế biến nông lâm sản, chiếm tới gần 40% số cơ sở công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên toàn tỉnh; thu hút hơn 60.000 lao động, chiếm hơn 15% tổng lao động ngành công nghiệp. Các cơ sở chế biến lớn trên địa bàn tỉnh gồm có: chế biến đường (công suất 3.000 tấn mía cây/ngày), chế biến cà phê (1.000 tấn cà phê hoà tan/năm), chế biến hạt điều (trên 4.000 tấn nguyên liệu/năm), chế biến rau quả, chế biến bột ngọt (1.000 tấn/năm), chế biến thức ăn gia súc (12 nhà máy đạt công suất khoảng 2.000.000 tấn/năm), chế biến thuốc lá (20.000 tấn nguyên liệu/năm), chế biến bông xơ (5.000 tấn nguyên liệu/năm)... Mỗi năm các đơn vị chế biến nông sản trên địa bàn tỉnh tiêu thụ 250.000 tấn khoai mì, 750.000 tấn mía cây, 27.000 tấn hạt điều thô, 350.000 tấn bắp hạt...

Mạng lưới công nghiệp và các cơ sở chế biến trên địa bàn tỉnh phát triển là điều kiện về thị trường cho ngành nông nghiệp, tạo điều kiện đẩy mạnh cơ giới hoá nông nghiệp, nâng cao hiệu quả sản xuất. Các cơ sở này không chỉ góp phần làm tăng giá trị cho sản phẩm của ngành nông nghiệp mà còn đưa sản phẩm nông nghiệp đến tay người tiêu dùng dưới nhiều hình thái đa dạng hơn, có chất lượng và mẫu mã phù hợp, từ đó kích thích nông dân mở rộng diện tích và tăng năng suất. Công nghiệp chế biến phát triển tạo điều kiện cho ngành nông nghiệp ĐN tiến lên một bậc cao hơn, không chỉ về mặt phát triển các vùng chuyên canh cung cấp khối lượng sản phẩm lớn, mà còn về cơ cấu giống, chất lượng sản phẩm và thu nhập của nông dân. Công nghiệp chế biến nông sản cũng khuyến khích nông dân tiêu chuẩn hóa sản phẩm, hướng tới các phương thức canh tác hiện đại hơn.

Dịch vụ nông nghiệp, nhất là dịch vụ trong các khâu giống, phân bón và bảo vệ động thực vật là khâu liên kết giữa người trồng trọt, chăn nuôi với xã hội. Dịch vụ thuận tiện cho phép phân công lao động trong ngành nông nghiệp theo hướng chuyên sâu hơn, quy mô lớn hơn, có điều kiện áp dụng kỹ thuật hiện đại. Dịch vụ nông nghiệp gắn với việc phát triển các ngành nghề nông thôn còn góp phần giải quyết việc làm, chuyển đổi cơ cấu lao động trong nông nghiệp, nông thôn. Đây là lợi thế và điều kiện thuận lợi của tỉnh trong quá trình thực hiện chuyển đổi CCSXNN ĐN.

ĐN đã đi tiên phong trong việc áp dụng giống mới và kỹ thuật thâm canh để chuyển dịch CC-

SXNN theo hướng lựa chọn cơ cấu cây xen canh, gối vụ một cách linh hoạt nhằm thích ứng với sự thay đổi của khí hậu và thị trường. Nông dân ở các địa bàn trồng lúa đã tích cực chuyển lúa vụ đông xuân sang trồng bắp vừa cho thu nhập cao và ổn định hơn, vừa tiết kiệm nước tưới. Hơn nữa, nhiều hộ nông dân đã tích cực lựa chọn một số cây bổ sung, cây xen canh, cây gối vụ ở quy mô nhỏ để tránh một phần tác hại khi giá cả nông sản hạ. Nhiều cây được sử dụng trồng xen canh như cây ăn trái trong vườn cà phê, cây đậu xen canh cây bắp và rau xen canh bắp, cây ca cao, rau xen canh với cây điều... Phát triển cây xen canh vừa giúp nông dân tăng thu nhập vừa cho phép nông dân lấy ngắn nuôi dài, cầm cự khi các cây công nghiệp lâu năm bị rớt giá quá thấp, giảm tình trạng chặt bỏ vườn cây hàng loạt như trước đây.

Ngoài việc áp dụng giống mới, ĐN còn tích cực áp dụng kỹ thuật canh tác hợp lý. Nhiều vùng nông dân đã áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào quy trình sản xuất, đưa kỹ thuật chăm sóc mới vào sản xuất như áp dụng kỹ thuật tưới nước nhỏ giọt, bón phân qua đường ống tưới ngầm, dùng bơm cao áp phun tưới kết hợp bón phân trên lá, sử dụng màng phủ, trồng cây trong nhà kính, sử dụng phân vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật là các chế phẩm vi sinh... Các vùng trồng cây ăn trái đã áp dụng phổ biến kỹ thuật lai ghép nhằm vừa tạo được giống tốt, vừa rút ngắn thời gian sinh trưởng của cây

Nhờ đẩy mạnh ứng dụng các biện pháp kỹ thuật ngành nông nghiệp, ĐN đã bước đầu tăng hiệu quả, hạ giá thành, tăng sức cạnh tranh của nông sản hàng hoá. Ví dụ, nhờ áp dụng biện pháp tưới tiết kiệm, nhỏ giọt đã giúp giảm 50% - 70% lượng nước tưới và nhiên liệu, đồng thời có thể tiết kiệm lượng phân bón bằng cách bón qua đường ống với hệ thống hút tự động hoà vào nước tưới theo yêu cầu của từng loại cây; kỹ thuật ra hoa trái vụ để tăng giá trị thương mại của sản phẩm...

Hộ nông dân tự chủ đã khẳng định được vai trò tích cực của mình trong sản xuất nông nghiệp và có nhiều mô hình trang trại làm ăn giỏi. Các trang trại đã đầu tư thâm canh đưa vào sử dụng và khai thác có hiệu quả 11.020 ha đất, tạo việc làm cho 12.932 lao động. Đặc biệt đã xuất hiện nhiều mô hình canh tác theo phương thức công nghệ cao như trồng rau trong nhà lưới ở Biên Hòa,

Nhơn Trách, các vùng chuyên canh cây cao su, tiêu, điều, cà phê bắp được duy trì gắn với các cơ sở chế biến. Đã xuất hiện một số hợp tác xã nông nghiệp làm ăn hiệu quả đứng ra liên kết trang trại và hộ nông dân với các doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ cả đầu vào và đầu ra, hỗ trợ nông dân tham gia có lợi hơn vào chuỗi giá trị ngành nông nghiệp.

Chính quyền tỉnh ĐN đã hỗ trợ hộ nông dân về các mặt giao đất, tập trung vốn xây dựng đường giao thông nông thôn và kéo điện về xã, ấp, tạo điều kiện cho hộ nông dân vay vốn của các ngân hàng thương mại. Hội Nông dân đã hỗ trợ nông dân thành lập các chi hội, tổ hợp tác vay vốn (đã thành lập được gần 4.000 chi hội nghề nghiệp, tổ hợp tác). Một số doanh nghiệp nhà nước đã tích cực hỗ trợ nông dân trong các lĩnh vực cung cấp giống, máy móc, vật tư trả chậm và bao tiêu sản phẩm. Điển hình là Công ty Bông ĐN, Công ty Chế biến hạt điều xuất khẩu, Công ty Đường La Ngà đã cung cấp vật tư, giống mới cho hộ nông dân và thu mua sản phẩm. Hình thức liên kết tay ba giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, doanh nghiệp cơ khí Vinapro và nông dân để hỗ trợ hộ nông dân mua máy canh tác nông nghiệp trả chậm.

Nhà nước đã có nhiều nỗ lực trong việc tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ nông dân thực hiện các phương thức canh tác bảo vệ môi trường và sức khỏe con người như các dự án hỗ trợ sản xuất rau an toàn, hỗ trợ thực hành GAP, sử dụng phương thức sinh học bảo vệ cây trồng, khuyến khích sử dụng phân hữu cơ, thực hành phương pháp canh tác 3 giảm - 3 tăng trên cây lúa...

Phương thức chuyển dịch CCSXNN do nông dân tự nguyện lựa chọn. Thay vì vận động mang tính ép buộc trồng cây này cây kia, chính quyền tỉnh ĐN đã thông qua thị trường mà điều tiết hành vi người nông dân, định hướng họ lựa chọn cơ cấu cây trồng cho gia đình họ. Để tăng tính tự giác của quá trình chuyển dịch, chính quyền địa phương các cấp đã tiến hành quy hoạch các vùng chuyên canh, xây dựng kế hoạch sử dụng đất ở từng địa bàn cụ thể, tích cực tạo điều kiện định hướng chuyển dịch, cung cấp thông tin và hỗ trợ vật chất, thủ tục quản lý để khuyến khích nông dân chuyển dịch hợp lý. Các chủ trương thúc đẩy chuyển dịch của chính quyền tỉnh về cơ bản là đúng, giải pháp tổ chức thực hiện có hiệu quả nên không xảy ra vấn đề trái chiều giữa lựa chọn của

nông dân và lựa chọn của chính quyền.

2. Một số giải pháp nhằm tác động chuyển dịch CCSXNN phù hợp với thế mạnh của tỉnh ĐN trong thời gian tới

Kết quả chuyển dịch CCSXNN của tỉnh ĐN đã mang lại thành công đáng kể. Tuy nhiên, so với yêu cầu phát triển nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hoá với năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh cao, thân thiện với sức khỏe và môi trường; cũng như so với tiềm năng của tỉnh và nguyện vọng của nông dân thì quá trình chuyển dịch trong thời gian qua còn chưa đáp ứng yêu cầu. Ngành nông nghiệp có tốc độ tăng năng suất bình quân giai đoạn 2006-2009 là 20,1% trong khi cả nước tăng 25,4%.

Theo báo cáo rà soát, bổ sung quy hoạch nông nghiệp, nông thôn tỉnh ĐN đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 của UBND tỉnh ĐN: “Chưa có chính sách hiệu quả để hỗ trợ nông dân thực hiện chuyển dịch cơ cấu cây trồng; công tác quản lý giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thuốc trừ sâu chưa chặt chẽ; việc ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất nông nghiệp còn hạn chế; chậm triển khai vùng chăn nuôi tập trung, chương trình nông thôn mới và xây dựng thương hiệu nông sản hàng hoá. Hệ thống thủy lợi phát triển chưa đồng bộ, quản lý chưa tốt, hiệu quả hoạt động chưa cao”.

Từ thực trạng trên, hướng chuyển dịch nông nghiệp của ĐN trong những năm tới là: “Tập trung cho các sản phẩm mũi nhọn phục vụ xuất khẩu (cà phê, tiêu, cao su) và các sản phẩm phục vụ thị trường trong nước, nhất là cây ăn trái đặc sản (bưởi, sầu riêng, xoài), chăn nuôi heo và gà. Trên cơ sở ưu tiên phát triển cây, con chủ lực tạo thế mạnh, thương hiệu và lợi thế vượt trội cho nông nghiệp, tỉnh chủ trương phát triển nền nông nghiệp toàn diện, trong đó tận dụng đất đai phát triển cây công nghiệp ngắn ngày, cây thực phẩm truyền thống, đặc biệt là hình thành các vùng rau an toàn, hoa và cây cảnh phục vụ nhu cầu đang có xu hướng tăng nhanh của đô thị.” (Nguồn: Báo cáo rà soát, bổ sung quy hoạch nông nghiệp, nông thôn tỉnh ĐN đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020).

Các biện pháp để thực hiện định hướng trên như sau:

- Thực hiện tốt việc gắn kết chặt chẽ “4 nhà” (nhà nông, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học và

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP & NÔNG THÔN

Nhà nước); khuyến khích, hỗ trợ phát triển công nghiệp vừa và nhỏ; phát triển dịch vụ và phát triển mạnh các ngành nghề có điều kiện phát triển ở nông thôn; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo chuẩn mực quốc tế có khả năng cạnh tranh cao; tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm nông nghiệp, xây dựng và phát triển thương hiệu nông sản hàng hóa có thể mạnh của tỉnh; lập quỹ hỗ trợ dự trữ và bình ổn giá nông sản để hỗ trợ nông dân khi nông sản rớt giá quá mạnh, tạo điều kiện cho nông dân giữ lại cơ cấu cây trồng theo định hướng chuyển dịch CCSXNN của tỉnh.

- Gắn sản xuất với chế biến và thị trường. Tù điều kiện từng địa bàn xây dựng hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp hoặc nhóm nông dân làm tổ chức trung gian mua bán uỷ thác cho nông dân. Tổ chức, xây dựng một số chợ đầu mối nông sản chủ lực ở các vùng nông sản trọng điểm, thực hiện các biện pháp xúc tiến thương mại, sử dụng mọi kênh đối ngoại để tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản phẩm.

- Ưu tiên phát triển công nghiệp phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; đặc biệt là công nghiệp sản xuất thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất và thu hoạch nông sản, công nghiệp bảo quản sau thu hoạch, công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm với trình độ công nghệ ngày càng cao, sạch, tăng sức cạnh tranh. Thu hút đầu tư các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động về địa bàn nông thôn để góp phần chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động.

- Khuyến khích tích tụ đất đai, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học, kỹ thuật cao vào sản xuất. Tập trung xây dựng khu công nghệ cao chuyên ngành công nghệ sinh học, các khu nông nghiệp công nghệ cao. Khuyến khích phát triển các mô hình kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác xã, tổ hợp tác trong nông nghiệp có mức độ chuyên môn hoá và thâm canh cao. Nâng cao chất lượng các hoạt động dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp để hỗ trợ cho sản xuất và đẩy mạnh cơ giới hóa nông nghiệp trong các khâu.

- Chuyển dịch CCSXNN của tỉnh ĐN phải dựa trên khai thác các yếu tố chiều sâu như lợi thế cạnh tranh của cơ cấu cây trồng, con nuôi, lợi thế của điều kiện tự nhiên, của tính năng động, kinh nghiệm và kỹ năng chuyên nghiệp của nhà nông... Trong đó, các giải pháp về quy hoạch và tạo giống là giải pháp chủ lực, đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật và quản lý vào nông

nghiệp được coi là các giải pháp trọng tâm, kết hợp với các giải pháp đổi mới phương thức tổ chức sản xuất, gắn kết nông dân với thị trường, tích cực hỗ trợ từ Nhà nước và đổi mới hệ thống chính sách và quản lý của Nhà nước.

- Tăng đầu tư công cho nông nghiệp, nông thôn, trước hết ưu tiên hỗ trợ các cơ sở nghiên cứu khoa học - công nghệ ứng dụng như đầu tư nâng cấp, mở rộng các trại thực nghiệm, các phòng thí nghiệm của các tổ chức khuyến nông, bảo vệ thực vật, doanh nghiệp kinh doanh giống cây trồng, doanh nghiệp chế biến thông qua các hình thức như chuyển giao kinh phí nghiên cứu khoa học theo đề tài, chuyển giao hỗ trợ theo dự án thuộc các chương trình phát triển nông nghiệp (chương trình giống cây trồng, chương trình ứng dụng công nghệ sinh học, xây dựng các quy trình GAP cho các cây trồng chủ lực địa bàn tỉnh...).

- Thực hiện hiệu quả chương trình đào tạo nghề cho nông dân, bồi dưỡng kỹ năng quản lý, kỹ năng hành nghề nông kết hợp với chính sách hỗ trợ thỏa đáng cho cán bộ được điều động về nông thôn trực tiếp hướng dẫn người nông dân về quản lý và kỹ thuật nông nghiệp. Phải đào tạo cho nông dân và cán bộ quản lý nông nghiệp nhận thức được chuyển dịch CCSXNN là một quá trình chọn lọc tự nhiên, liên tục, mang tính quy luật khách quan, là quá trình tìm kiếm phương thức kinh doanh nông nghiệp ngày càng hiệu quả hơn trên cơ sở khai thác hợp lý điều kiện tự nhiên sẵn có và ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ vào sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất để nâng cao mức sống và phát triển bền vững■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thống kê ĐN (2007), *Thực trạng nông thôn - nông nghiệp tỉnh ĐN 2001-2006*, ĐN.
2. Cục Thống kê ĐN, *Niên giám thống kê năm 2002, 2003, 2004, 2007 và 2008*.
3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2009), *Báo cáo kết quả sản xuất nông nghiệp, phát triển nông thôn 4 năm 2006 - 2009, thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2006-2010*.
4. Ủy ban Nhân dân tỉnh ĐN (2006), *Quyết định số 43/2007/QĐ-UBND ban hành Chương trình phát triển các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực trên địa bàn tỉnh ĐN giai đoạn 2006-2010*.
5. Ủy ban Nhân dân tỉnh ĐN (2007), *Báo cáo rà soát, bổ sung quy hoạch nông nghiệp, nông thôn tỉnh ĐN đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020*.